

Số: 749 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyện Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 363/TTr-STNMT ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyện Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoàng Hà¹ (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyện Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

¹ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400894330, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 15/9/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/02/2023.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định²: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND huyện Lục Nam; UBND xã Huyền Sơn; Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hoàng Hà và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hoàng Hà (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

² thành lập theo Quyết định số 1132/QĐ-TNMT ngày 10/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng,
thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”.

- Địa điểm thực hiện: Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hoàng Hà.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Diện tích khai thác là 10 ha.

- Phạm vi, địa điểm cung cấp khoáng sản:

+ Đối với khoáng sản chính (đất san lấp): Cung cấp đất san lấp cho các dự án: Đường vành đai 5 vùng Thủ đô; Cải tạo mở rộng QL37 qua địa bàn huyện Lục Nam; Tuyến kết nối tuyến ĐT.299B-QL.37 đoạn qua xã Cẩm Lý (theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang) và các dự án, công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

+ Đối với khoáng sản đi kèm (đất làm gạch): Cung cấp cho các nhà máy gạch tuynel đã chấp thuận đầu tư, đang hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện Lục Nam.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.404.000m³ đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 2.022.641 m³; đất làm gạch là 1.381.360 m³.

- Công suất khai thác: 523.692 m³/năm đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 311.175 m³/năm; đất làm gạch là 212.517 m³/năm.

(theo Quyết định số 867/QĐ-TNMT ngày 31/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (được UBND tỉnh ủy quyền) về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” thì hệ số nở ròi của đất san lấp là 1,28; đất làm gạch là 1,26).

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +20 m.
- Tuổi thọ mỏ: 07 năm (không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà tổng hợp văn phòng (văn phòng của công ty gần khu vực dự án), đường nội bộ mỏ, tuyến đường ngoại mỏ từ điểm S1 đến điểm S3 (tuyến đường đất hiện trạng), mặt bằng khai thác ban đầu, khu phụ trợ, mốc giới, camera giám sát, trạm cân, kho chất thải nguy hại, hố lắng, rãnh thoát nước, ...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Bồi thường, giải phóng mặt bằng; phát quang thực vật bề mặt; vận chuyển cây cối phát quang; thi công tuyến đường giao thông, san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, rãnh thoát nước, hố lắng; hoạt động khai thác, vận chuyển đất,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 10 ha, toàn bộ là đất rừng sản xuất, Nhà nước đã giao cho các hộ dân quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật và hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động của máy móc thi công làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lắng, rãnh thoát nước.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động san gạt, xúc bốc xây dựng công trình; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn qua bề mặt dự án.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, bốc xúc đất san lấp; hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác tại mỏ; hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình rửa xe; nước mưa chảy tràn trên khai trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ quá trình khai thác (đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển); chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố sụt lún, sạt lở đường giao thông do mưa bão kéo dài; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 0,56 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 0,5 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất đá, các chất bẩn trên bề mặt, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng như COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình hồ lắng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 3,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 410 tấn, với thành phần chủ yếu là thân, cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng (như: đất đá rơi vãi, vỏ bao xi măng, sắt thép thừa, bê tông gạch vỡ...) phát sinh khoảng 100 kg trong quá trình thi công xây dựng.

* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại (như: dầu mỡ, giẻ lau dính dầu...) phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khoảng 29,5 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị tham gia thi công; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến hộ dân bị thu hồi đất, tác động đến cảnh quan địa hình,...

- Tác động do sự cố như: sự cố xói mòn, trượt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng, sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân làm việc tại dự án khoảng 1,12 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng làm tăng độ đục của nước, gây bồi lấp các rãnh thoát nước, cản trở dòng chảy của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

+ Nước thải rửa xe phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe khi ra vào khai trường khoảng 2,87 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên khai trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc bóc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại dự án khoảng 07 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình khai thác (bao gồm: đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển) khoảng 1,74 m³/ngày.

- Bùn đất nạo vét từ hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng khoảng 04 m³/lần nạo vét.

* Chất thải nguy hại (như: găng tay, giẻ lau dính, bao bì cứng thải bằng nhựa...) phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khoảng 615,76 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị khai thác như máy xúc, máy ủi,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến kênh mương thủy lợi; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố sạt lở tầng khai thác; sự cố do mưa bão kéo dài; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Bố trí văn phòng làm việc của dự án cách mỏ đất khoảng 300m, khi đó công nhân sẽ sử dụng nhà vệ sinh tại khu nhà văn phòng này (nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn, dung tích bể 2m³) và nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại này trước khi chảy ra rãnh thoát nước khu vực. Đối với bùn thải từ nhà vệ sinh, chủ dự án thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 01 năm/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước, hố lắng trong diện tích khai trường. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 235 m, chiều rộng 1,0 m, chiều sâu 1,0 m. Bố trí 02 hố lắng (kích thước 1,0mx3,0mx1,0m) trên rãnh thoát nước mưa chảy tràn để thu gom, lắng cặn trước khi nước mưa thoát ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hố lắng, khơi thông rãnh thoát nước không để phế thải xây dựng xâm nhập, gây tắc nghẽn, ứ đọng.

* Nước thải thi công: Bố trí 02 thùng phuy có dung tích 500 lít/phuy để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện tưới nước trên khu vực khai thác, trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp bắt đầu từ mỏ đến tuyến đường bê tông liên xã, với tần suất tưới là 2-4 lần/ngày, tăng lên 4-6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa), tiêu chuẩn tưới nước 0,4 lít/m².

- Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng ra, vào khu vực dự án để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường.

- Bố trí các phương tiện giao thông ra, vào khu vực dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông.

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ, không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo các phương tiện này hoạt động trong trạng thái tốt, hạn chế phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn. Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 60 lít tại khu vực kho tạm. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, với tần suất 01 lần/ngày.

+ Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả cho người dân tận thu, phần thực bì còn lại được thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

- Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt thép, bao bì...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa...) được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thùng chứa có dán nhãn, mã tên chất nguy hại theo quy định, mỗi loại chất thải lưu chứa trong thùng riêng biệt.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3m², nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình hoạt động khai thác mỏ.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định, với tần suất 01 lần trong giải đoạn xây dựng cơ bản mỏ.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình xây dựng, chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, không đắp đất, đá treo sườn tầng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ có thể xảy ra sụt lún, sạt lở đất, đá để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất, đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vữa mái bờ để ổn định địa hình.

- Vào những ngày mưa bão phải tạm dừng hoạt động khai thác đất, đá, đồng thời yêu cầu cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hố lắng, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ứ đọng, tắc nghẽn tại khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, ...) và có quy định về sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm giao cắt để người tham gia giao thông biết, quan sát khi đến đoạn giao cắt với đường vào mỏ.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án tiếp tục sử dụng văn phòng làm việc cách mỏ đất khoảng 300m, khi đó công nhân thi công sẽ sử dụng nhà vệ sinh tại khu nhà văn phòng này (nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn, dung tích bể 2m³) và nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại này trước khi chảy ra rãnh thoát nước khu vực. Đối với bùn thải từ nhà vệ sinh, chủ dự án thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 01 năm/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước, hố lắng trong diện tích khai trường. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 235 m, chiều rộng 1,0 m, chiều sâu 1,0 m. Bố trí 02 hố lắng (kích thước 1,0mx3,0mx1,0m) trên rãnh thoát nước mưa chảy tràn để thu gom, lắng cặn trước khi nước mưa thoát ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống rãnh thoát nước mưa gây tắc nghẽn, ứ đọng, với tần suất 03 tháng/lần.

* Nước thải từ quá trình rửa xe: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước bằng gạch, trát vữa xi măng có kích thước rộng x sâu = 0,5 x 0,5m, dài khoảng 10m đưa về hố lắng thể tích 3,375m³ để lắng cặn, nước sau lắng cặn được tuần hoàn tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tận dụng để dập bụi khu vực khai thác. Phần bùn cặn từ các hố lắng và rãnh thoát nước được nạo vét định kỳ, với tần suất 01 tuần/lần, tận dụng làm đất đắp trồng cây.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Thực hiện tưới nước để giảm thiểu bụi trên khu vực khai thác, trên tuyến đường vận chuyển đất, đá đi san lấp bắt đầu từ mỏ đến tuyến đường bê tông liên xã (trong bán kính khoảng 1 km, qua hết đoạn tập trung dân cư), với tần suất tưới là 2-4 lần/ngày, tăng lên 4-6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,4 lít/m².

- Bố trí máng lộn rửa xe trên khu vực dự án và thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ, để loại bỏ toàn bộ đất, đá bám xung quanh thành xe, lốp xe, đảm bảo không làm phát tán bụi trong quá trình vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển đất, đá có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế đất, đá rơi vãi và bụi khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm.

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, an toàn giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Cải tạo, sửa chữa những đoạn đường chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đổ đất bừa bãi.

- Sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất, đá đi san lấp. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, đá từ dự án thì chủ dự án có

trách nhiệm bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng tại khu vực văn phòng và khu vực công trường để thu gom chất thải sinh hoạt.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 01 lần/ngày.

* Chất thải rắn thông thường từ quá trình khai thác:

- Bố trí công nhân, máy gạt thường xuyên thu gom đất, đá rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường để tiếp tục được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Không đổ đất, đá quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe, tránh làm đất, đá rơi xuống đường vận chuyển.

- Các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thùng chứa có dán nhãn, mã quản lý theo quy định, mỗi loại chất thải lưu chứa trong thùng riêng biệt.

- Tiếp tục sử dụng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3m², nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo (đã được bố trí ở giai đoạn xây dựng cơ bản mở).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định, với tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển đất, đá phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc những khu vực có tiếng ồn cao.

- Không khai thác, vận chuyển đất, đá vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ tối đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không làm ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án, cũng như những hộ dân trên tuyến đường vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

* Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ

- Khu vực kết thúc khai thác: Khai trường kết thúc khai thác ở mức cốt +20m, khi đó phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 78.460 m² (sau khi đã trừ phần taluy bảo vệ).

Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt bằng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường chỉ cần san gạt tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất màu và trồng cây lâm nghiệp (*keo lai, sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô*). Tiến hành san gạt những khu vực chưa theo yêu cầu, dự kiến diện tích san gạt chiếm 40% tổng diện tích kết thúc khai thác, chiều cao san gạt trung bình 0,2m, khối lượng san gạt 6.276,8 m³.

Quá trình trồng cây được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt mặt bằng, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây 78.460 m², tổng số hố trồng cây được đào trên khu vực kết thúc khai thác là 17.261 hố (mật độ cây 2.200 cây/ha).

- Khu vực taluy bảo vệ: Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 69⁰, khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, sau đó dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế nhằm giảm bớt chi phí trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường (*ở giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này*).

* Khai thông hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng

- Nạo vét rãnh thoát nước khu vực kết thúc khai thác: Rãnh đất có chiều dài 235m, chiều sâu nạo vét 0,25m (bề dày đất bồi lắng), chiều rộng nạo vét 1m. Khối lượng nạo vét là 58,75 m³.

- Nạo vét hố lắng: 02 hố lắng, kích thước 1,0m x 3,0m x 1,0m, chiều sâu nạo vét 0,5m. Khối lượng nạo vét là 3,0 m³.

* Tháo dỡ các công trình

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho, diện tích 3,0 m².

- Camera giám sát: 01 chiếc.

- Trạm cân: 01 trạm.

- Mốc giới mỏ (11 chiếc), kích thước 0,2m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ là 0,528 m³.

* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ

- Đối với tuyến đường nối từ mỏ với đường bê tông liên thôn có chiều dài 100m, chiều rộng trung bình 6m sẽ được san gạt loại bỏ đá cấp phối bề mặt và bàn giao cho người dân tiếp tục sử dụng. Khối lượng san gạt khoảng 120 m³.

- Đối với tuyến đường bê tông hiện trạng (là tuyến đường liên thôn), chủ dự án mời đại diện chính quyền địa phương đến kiểm tra hiện trạng, khắc phục các đoạn hư hỏng (nếu có) và bàn giao lại địa phương tiếp tục sử dụng.

- Đối với tuyến đường giao thông chủ dự án thuê để tạo tuyến đường vận chuyển (đầu nối từ đường bê tông hiện trạng vào đường liên xã) có chiều dài 190m, chiều rộng trung bình 6m được san gạt loại bỏ đá cấp phối bề mặt và bàn giao trả lại người dân tiếp tục sử dụng. Khối lượng san gạt khoảng 228 m³.

* Lắp đặt biển cảnh báo

Lắp đặt các biển cảnh báo tại khu vực người dân thường xuyên đi lại, dễ quan sát, có nguy cơ sụt lún, mất an toàn, cụ thể: cột biển báo bằng ống kẽm φ60, kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 11 biển báo.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I.	Các công trình dọn dẹp, tháo dỡ		
1	Dọn dẹp khu vực phụ trợ	-	-
2	Camera giám sát	Chiếc	01
3	Mốc giới (11 chiếc)	m ³	0,528
4	Trạm cân	Trạm	01
5	Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại	m ²	3
II.	Cải tạo đường giao thông		
1	Tuyến đường nối từ mỏ với đường bê tông liên thôn	m ³	120
2	Tuyến đường giao thông chủ dự án thuê để tạo tuyến đường vận chuyển (đầu nối từ đường bê tông hiện trạng vào đường liên xã)	m ³	228
III.	Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác		
1	Kết thúc ở mức cốt +20m	m ³	6.276,8
2	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	11

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
IV.	Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác, đường giao thông		
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc khai thác cốt +20m	ha	7,846
2	Bổ sung đất màu	m ³	466
V.	Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo		
1	Nạo vét rãnh thoát nước		
-	Nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng	m ³	61,75
2	Duy tu các công trình sau cải tạo	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi

c) Kế hoạch thực hiện

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Dọn dẹp công trình phụ trợ; tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc giới; san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến tuyến đường nối từ mỏ với đường bê tông liên thôn hiện trạng; tuyến đường giao thông chủ dự án thuê để tạo tuyến đường vận chuyển (đầu nối từ đường bê tông hiện trạng vào đường liên xã); lắp đặt biển báo; nạo vét rãnh thoát nước, hồ lắng: Trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên mặt bằng kết thúc khai thác: Trong thời gian 3 năm, kể từ ngày hết hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **1.528.234.000 đồng.**

- Phương thức ký quỹ:

Thời gian khai thác của dự án là 07 năm (*bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mở 0,5 năm, không tính thời gian cải tạo, phục hồi môi trường*), do đó chủ dự án thực hiện ký quỹ nhiều lần (07 lần), trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: $1.528.234.000 \times 25\% = 382.058.500$ đồng.

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi: $(1.528.234.000 - 382.058.500)/(7-1) = 191.029.250$ đồng.

- Thời điểm ký quỹ (lần đầu, lần thứ 02 trở đi): Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Tiến hành khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sạt lở đất, đá xung quanh.

- Trong quá trình khai thác không để đất, đá treo, khai thác đến đâu sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sạt lở khi khai thác xuống sâu. Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún đất, đá cần củng cố ổn định. Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vĩa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

- Vào những ngày mưa bão, phải tạm dừng hoạt động khai thác đất, đá, yêu cầu cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Sửa chữa, cải tạo kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

- Sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất, đá đi san lấp. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, đá đi san lấp từ dự án thì chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý tuyến đường để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng tại khu vực khai trường cũng như khu vực phụ trợ trước, trong và sau những trận mưa hoặc trước khi vào mùa mưa.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường đều được học tập về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,...) và có những quy định về sử dụng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí trong khu vực xây dựng cơ bản mở.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

5.1.2. Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 0,56 m³/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và

Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.1.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

5.2.1. Khí thải:

Khí thải trong giai đoạn vận hành ở dạng phát tán, không tập trung và có quy mô nhỏ do đó căn cứ theo khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

5.2.2. Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,12 m³/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 363/TTr-STNMT ngày 24/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.